

Số: 1606 /QĐ-UBND

Krông Búk, ngày 26 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Búk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức, ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/03/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 1824/BNV-CCVC ngày 12/4/2020 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng đặc cách giáo viên hợp đồng;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND, ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Phương án xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Búk;

Xét Tờ trình số 21/TTr-HĐXTĐC ngày 26/5/2020 của Hội đồng xét tuyển đặc cách giáo viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội trên địa bàn huyện Krông Búk,

gồm: **48 thí sinh**. Trong đó, bậc Mầm non 19 thí sinh, bậc Tiểu học 17 thí sinh, bậc THCS 12 thí sinh.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Trưởng Phòng Nội vụ huyện:

1. Căn cứ Quyết định này, tham mưu Chủ tịch UBND huyện gửi Thông báo kết quả phỏng vấn (vòng 2) bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Tham mưu Chủ tịch UBND huyện trình UBND tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh phê duyệt kết quả xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Búk.

3. Trên cơ sở phê duyệt kết quả xét tuyển đặc cách đối với giáo viên của UBND tỉnh, tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển và gửi Thông báo bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyển, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định này thi hành./. *vd*

Nơi nhận: *vd*

- Như Điều 3;
 - Sở Nội vụ;
 - Sở GD&ĐT;
 - TT. Huyện ủy;
 - TT. HĐND huyện;
 - CT, các PCT UBND huyện;
 - Lưu: VT, NV.
- } (báo cáo)



CHỦ TỊCH

Vũ Văn Mỹ

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND huyện)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học				
1	MN 01	H' Chá Niê	Nữ	07-03-1992	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	A	DTTS	5,0	53,0	58,0
2	MN 02	H Đi Bion Niê	Nữ	28-07-1987	Ê đê	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	DTTS	5,0	50,0	55,0
3	MN 03	H Điệp Niê	Nữ	22-06-1993	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	53,0	58,0
4	MN 04	Trần Thị Hương Giang	Nữ	14-05-1994	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không		54,0	54,0
5	MN 05	H Hồng Kbuôr	Nữ	02-05-1988	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	51,0	56,0
6	MN 06	Lãnh Thị Luân	Nữ	03-01-1992	Nùng	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	A	DTTS	5,0	51,0	56,0
7	MN 08	Nguyễn Thị Nga	Nữ	25-06-1992	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không		51,0	51,0
8	MN 09	Tạ Thị Thanh Nhân	Nữ	16-03-1994	Kinh	CD	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không		52,0	52,0
9	MN 10	H Nhung Niê	Nữ	06-03-1992	Ê đê	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	A	DTTS	5,0	53,0	58,0
10	MN 11	H Nội Niê	Nữ	23-09-1993	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	DTTS	5,0	55,0	60,0
11	MN 12	H' Oan Mlô	Nữ	08-09-1989	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	58,0	63,0
12	MN 13	H Plũn Niê	Nữ	25-04-1992	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	53,0	58,0
13	MN 14	H Sứ Niê	Nữ	05-06-1995	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	53,0	58,0
14	MN 15	H Sơ Min Ayun	Nữ	05-12-1993	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	A	DTTS	5,0	56,0	61,0
15	MN 16	Nguyễn Thị Phương Hồng Thủy	Nữ	13-06-1993	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không		52,0	52,0
16	MN 17	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	29-11-1995	Kinh	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không		53,0	53,0

Ud

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 26 /5/2020 của UBND huyện)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học				
17	MN 18	Phan Thị Trang	Nữ	25-04-1993	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không		54,0	54,0
18	MN 19	H Trương Niê	Nữ	14-03-1991	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	53,0	58,0
19	MN 20	H Yoi Mlô	Nữ	30-05-1992	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	5,0	54,0	59,0

Ud

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỔNG HỢP

(Kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND huyện)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học				
1	TH21	Lê Văn Cảnh	Nam	01-10-1993	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	Không		72,5	72,5
2	TH22	Lê Mỹ Dung	Nữ	10-10-1995	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐCB	Không		83,5	83,5
3	TH23	Đặng Phú Dũng	Nam	24-10-1989	Kinh	TC	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	Không		69,0	69,0
4	TH24	Hoàng Thái Quỳnh Giang	Nữ	12-12-1989	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	Không		72,5	72,5
5	TH25	Bùi Thị Hà	Nữ	29-01-1993	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Không		74,0	74,0
6	TH26	Mai Thị Hà	Nữ	25-08-1989	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Không		83,0	83,0
7	TH27	H Hậu Mlô	Nữ	25-12-1993	Ê Đê	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	DTTS	5,0	71,0	76,0
8	TH28	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	23-11-1991	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	Không		73,0	73,0
9	TH29	H Líp Niê	Nữ	19-05-1990	Ê Đê	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	DTTS	5,0	71,0	76,0
10	TH30	Chu Thị Sinh	Nữ	30-10-1994	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Không		75,0	75,0
11	TH31	Trương Đình Tài	Nam	02-12-1990	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐCB	Không		81,5	81,5
12	TH32	Nguyễn Thị Tình	Nữ	02-06-1990	Kinh	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐCB	Không		80,5	80,5

Handwritten signature

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND huyện)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển vị trí việc làm	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học					
I		Giáo viên Tiếng Anh tiểu học												
1	TH33	Nguyễn Thị Thanh Quế	Nữ	30-08-1992	Kinh	CĐ	SP Tiếng Anh	Tiếng Trung B	A	Không	GV Tiếng Anh TH		61,0	61,0
2	TH34	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	07-03-1990	Kinh	ĐH	SP Tiếng anh	Tiếng Pháp B	B	Không	GV Tiếng Anh TH		66,0	66,0
II		Giáo viên Thể dục tiểu học												
1	TH35	Y Khanh Mlô	Nam	01-02-1985	Ê Đê	TC	SP Giáo dục thể chất	Tiếng Anh A	ƯDCB	DTTS	GV Thể dục TH	5,0	60,75	65,75
III		Giáo viên Âm nhạc tiểu học												
1	TH36	Dương Thị Châu	Nữ	12-05-1984	Kinh	TC	SP Âm nhạc	Tiếng Anh A	B	Không	GV Âm nhạc TH		67,0	67,0
IV		Giáo viên Mỹ thuật tiểu học												
1	TH37	Trương Ngọc Quyên	Nữ	20-09-1990	Nùng	ĐH	SP Mĩ Thuật	Tiếng Anh B	A	DTTS	GV Mĩ Thuật TH	5,0	59,0	64,0

uk

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển vị trí việc làm	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học					
I		Giáo viên Ngữ văn THCS													
1	THCS 01	Trần Thị Bích Hằng	Nữ	04-12-1988	Kinh	ĐH	Ngữ Văn	NVSP	Tiếng Anh B	B	Không	GV Ngữ Văn THCS		80,0	80,0
2	THCS 02	Dương Thị Hòa	Nữ	14-06-1990	Kinh	CĐ	SP Ngữ Văn		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Ngữ Văn THCS		65,5	65,5
II		Giáo viên Toán THCS													
1	THCS 03	Hoàng Cao Đắc	Nam	01-09-1985	Tày	ĐH	SP Toán		Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	GV Toán THCS	5,0	78,5	83,5
2	THCS 04	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	06-11-1993	Kinh	CĐ	SP Toán		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Toán THCS		61,0	61,0
3	THCS 05	Hà Thị Ngọc Mai	Nữ	28-10-1990	Kinh	ĐH	Toán - Tin	NVSP	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Toán THCS		80,0	80,0
III		Giáo viên Hóa học THCS													
1	THCS 06	Phan Đăng Thọ	Nam	18-01-1991	Kinh	ĐH	SP Hóa học		TOEIC	B	Không	GV Hóa THCS		80,5	80,5
2	THCS 07	Hà Duy Trường	Nam	25-03-1992	Kinh	ĐH	SP Hóa học		Tiếng Anh B1	TC CNTT	Không	GV Hóa THCS		79,5	79,5

VL

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển vị trí việc làm	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học					
IV		Giáo viên Tin học THCS													
1	THCS 08	Nguyễn Thị Na	Nữ	24-12-1992	Kinh	CD	Khoa học máy tính	NVSP	Tiếng Anh A2	CD	Không	GV Tin học THCS		58,5	58,5
2	THCS 09	Lê Thanh Vũ	Nam	20-08-1991	Kinh	ĐH	SP Tin học		Tiếng Anh B	ĐH	Không	GV Tin học THCS		71,25	71,25
V		Giáo viên Công nghệ THCS													
1	THCS 10	Võ Tá Hải	Nam	05-04-1988	Kinh	CD	SP kỹ thuật		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Công nghệ THCS		59,0	59,0
VI		Giáo viên Mỹ thuật tiểu học													
2	THCS 12	Phạm Thị Hiền	Nữ	07-07-1990	Kinh	CD	SP Mỹ Thuật		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Mỹ Thuật THCS		59,0	59,0
VII		Giáo viên Địa lý THCS													
1	THCS 11	Nguyễn Thị Bích	Nữ	12-05-1988	Kinh	CD	Địa lý - Du lịch	NVSP	Tiếng Anh B	A	Không	GV Địa lý THCS		64,5	64,5

ỦB